

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẤP VÒ  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/DS-ST  
Ngày 06-01-2025  
V/v Tranh chấp về hợp đồng cầm  
cố tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Phương
- Bà Chung Thị Thu Nguyệt

*Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Lê Phú Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2024/TLST-DS, ngày 10/10/2024 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 220/2024/QĐST-DS ngày 16/12/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: CÔNG TY CỔ PHẦN SAWAD TIỀN CÓ NGAY (sau đây gọi tắt là “Công ty”);

Địa chỉ trụ sở chính: số A N, Phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thanh L - Nhân viên Công ty cổ phần S tiền có ngay (giấy uỷ quyền số 262/2024/UQ-SVN ngày 25/10/2024 của Công ty cổ phần S tiền có ngay).

Địa chỉ liên hệ: số C, đường C, phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: số C, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình tố tụng người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà Trần Thanh L trình bày:*

Ngày 17/10/2023, bà Trần Thị Ngọc T (sau đây gọi tắt là khách hàng) có cầm cố tài sản với Công ty TNHH S1 - Chi nhánh S2 (nay là Công Ty Cổ Phần S Có Ngay, sau đây gọi tắt là Công ty) theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 17/10/2023:

1. Tài sản cầm cố như sau:

- 01 (Một) xe mô tô hai bánh;
- Nhãn hiệu: HONDA;
- Loại: F;
- Biển số xe: 66V1-599.24;
- Số khung: RLHJC7637JZ091237;
- Số máy: JC76E04332223;
- Giấy chứng nhận đăng ký số: 045414;

Do Công an huyện L cấp ngày 14/02/2019.

2. Hợp đồng cầm cố như sau:

2.1. Số tiền cầm cố, thời hạn, mục đích cầm cố và ngày thanh toán định kỳ

- Số tiền cầm cố: 14.360.000 đồng (Mười bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Thời hạn cầm cố: 12 tháng.
- Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.
- Ngày giải ngân: 17/10/2023.
- Ngày thanh toán định kỳ: Ngày 17.

2.2. Lãi suất cầm cố trong hạn và quá hạn:

- Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng.
- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

2.3. Phí và các loại phí thoả thuận dân sự

- Phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng.
- Phí phạt vi phạm: không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng.
- Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn xe.

3. Hợp đồng giấy mượn xe như sau:

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 17/10/2023, bà Trần Thị Ngọc T đã có đơn gửi Công ty TNHH S1 - Chi nhánh S2 (nay là Công Ty Cổ Phần S Có Ngay) xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe. Thời hạn mượn xe là 01 tháng từ ngày 17/10/2023 đến ngày 17/11/2023.

Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan. Bà T có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận theo yêu cầu từ Công ty”.

Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty đã giải ngân cho khách hàng số tiền 14.360.000 đồng theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số CLM231001007NA19X ký ngày 17/10/2023. Tính đến ngày 31/10/2024 bà Trần Thị Ngọc T chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng số tiền là 6.976.000 đồng, trong đó bao gồm tiền gốc, lãi và phí.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà Trần Thị Ngọc T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty.

Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bà Trần Thị Ngọc T có thời gian trả nợ nhưng bà Trần Thị Ngọc T vẫn không thực hiện.

Nay, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Trần Thị Ngọc T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 31/10//2024 là 10.820.577 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó: Tiền gốc 9.873.840 đồng, tiền lãi trong hạn 876.139 đồng, tiền lãi quá hạn là 70.598 đồng). Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký với Công ty ngày 17/10/2023. Thời gian tính lãi kể từ ngày 01/11/2024 cho đến khi bà Trần Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Ngoài ra Công ty không yêu cầu gì khác.

- Trong quá trình tố tụng bị đơn là bà Trần Thị Ngọc T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, và không có trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:***

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và văn bản pháp luật có liên quan về thụ lý vụ án, xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ; việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, các thủ tục tố tụng khác và về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 309, 310 và Điều 280 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S (Được đổi tên từ Công ty TNHH S1).

Buộc bà Trần Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2024 là 10.820.577 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó: Tiền gốc 9.873.840 đồng, tiền lãi trong hạn 876.139 đồng, tiền lãi quá hạn là 70.598 đồng). Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký với Công ty ngày 17/10/2023. Thời gian tính lãi kể từ ngày 01/11/2024 cho đến khi bà Trần Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Sau khi bà Trần Thị Ngọc T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì Công ty Cổ phần S Có Ngay trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 045414, biển số đăng ký: 66V1-599.24, do Công an huyện L cấp ngày 14/02/2019 cho Trần Thị Ngọc T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Ngọc T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2024 là 10.820.577 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó: Tiền gốc 9.873.840 đồng, tiền lãi trong hạn 876.139 đồng, tiền lãi quá hạn là 70.598 đồng). Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký với Công ty ngày 17/10/2023. Thời gian tính lãi kể từ ngày 01/11/2024 cho đến khi bà Trần Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay. Căn cứ Điều 309 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án này là “*Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản*”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Trần Thị Ngọc T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham dự

phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng bà Trần Thị Ngọc T vẫn vắng mặt không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, đồng thời cũng không có yêu cầu phản tố hay các yêu cầu gì khác trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Ngọc T quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Ngọc T phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 31/10/2024 là 10.820.577 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng) (Trong đó: Tiền gốc 9.873.840 đồng, tiền lãi trong hạn 876.139 đồng, tiền lãi quá hạn là 70.598 đồng). Ngoài ra, bà Trần Thị Ngọc T còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký với Công ty ngày 17/10/2023. Thời gian tính lãi kể từ ngày 01/11/2024 cho đến khi bà Trần Thị Ngọc T thanh toán xong khoản nợ cho Công ty.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét, việc giao kết hợp đồng cầm cố giữa các đương sự: Căn cứ Hợp đồng cầm cố số CLM231001007NA19X được ký giữa các bên ngày 17/10/2023. Nội dung hợp đồng: Bà Trần Thị Ngọc T ký cầm cố tài sản là xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu, HONDA, Loại: Future FI, Biển số xe: 66V1-599.24, Số khung: RLHJC7637JZ091237; Số máy: JC76E04332223; Giấy chứng nhận đăng ký số: 045414, Do Công an huyện L cấp ngày 14/02/2019, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền cầm cố 14.360.000 đồng; Thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 17/10/2023 đến ngày 17/11/2023; Lãi suất là 1,1%/ tháng, lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn và các loại phí quản lý hồ sơ, phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản.

[2.2] Xét, tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố: Xét thấy, tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

Như vậy, hợp đồng cầm cố đang tranh chấp giữa các đương sự là hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm ký kết ngày 17/10/2023.

[2.3] Xét, quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và việc giao nhận tiền: Ngày 17/10/2024 Công ty có giải ngân cho bà Trần Thị Ngọc T nhận số tiền 14.360.000 đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố, bà Trần Thị Ngọc T chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng số tiền là 6.976.000 đồng, trong đó tiền gốc 4.486.160 đồng, lãi

558.791 đồng, phí quản lý 253.996 đồng, phí hao mòn 1.665.760 đồng. Kể từ ngày 18/02/2024 bà Trần Thị Ngọc T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn lại và cũng không trả lại xe máy cầm cố cho Công ty như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ, nên việc Công ty khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc T phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 31/10/2024 tổng cộng 10.820.577 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng) (Trong đó: Tiền gốc 9.873.840 đồng, tiền lãi trong hạn 876.139 đồng, tiền lãi quá hạn là 70.598 đồng) là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã có thông báo cho bà Trần Thị Ngọc T biết về yêu cầu và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, nhưng bà Trần Thị Ngọc T không có ý kiến gì phản bác đối với yêu cầu và tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đã nộp cho Tòa án. Như vậy, căn cứ Điều 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án.

[2.4] Xét, yêu cầu về tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn: Căn cứ Hợp đồng cầm cố số CLM231001007NA19X được ký giữa các bên ngày 17/10/2023, lãi suất hai bên thỏa thuận trong hạn cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và không trái với quy định pháp luật nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo Hợp đồng cầm cố là có căn cứ phù hợp nên chấp nhận.

Tạm tính đến ngày 31/10/2024: Tiền gốc 9.873.840 đồng, tiền lãi trong hạn 876.139 đồng, tiền lãi quá hạn 70.598 đồng. Tổng cộng 10.820.577 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng).

[2.5] Xét, yêu cầu tiếp tục tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 01/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy, yêu cầu tiếp tục tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với Hợp đồng cầm cố ký ngày 17/10/2023, nên chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S tiền có ngay tổng số tiền là 10.820.577 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng) (Trong đó: Tiền gốc 9.873.840 đồng, tiền lãi trong hạn 876.139 đồng, tiền lãi quá hạn là 70.598 đồng) và buộc bà Trần Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết ngày 17/10/2023, thời gian tính lãi kể từ ngày 01/11/2024 cho đến khi bà T thanh toán xong nợ cho Công ty.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 117, 280, 309, 310 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 72, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.**

Buộc bà Trần Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 31/10/2024 là 10.820.577 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn năm trăm bảy mươi bảy đồng) (Trong đó: Tiền gốc 9.873.840 đồng, tiền lãi trong hạn 876.139 đồng, tiền lãi quá hạn là 70.598 đồng).

Về dư nợ gốc mà bà T còn nợ là 9.873.840 đồng được tiếp tục tính lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số CLM231001007NA19X được ký giữa các bên ngày 17/10/2023 quy định. Thời gian tính lãi tính từ ngày 01/11/2024 cho đến khi bà Trần Thị Ngọc T thanh toán xong nợ cho Công ty.

Sau khi bà Trần Thị Ngọc T hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì Công ty Cổ phần S Có Ngay trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 045414, biển số đăng ký: 66V1-599.24, do Công an huyện L cấp ngày 14/02/2019 cho Trần Thị Ngọc T.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

- Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp 349.000 đồng (ba trăm bốn chín nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015080 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu 541.000 đồng (năm trăm bốn mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

**4. Về quyền kháng cáo:** Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Nhật Minh**